TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chí, ông Lương Tấn Nghị

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: T – sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu dân cư A, Tổ dân phố B, phường V, TX. Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* H – sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- *Người làm chứng:* Y – sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu dân cư A, Tổ dân phố B, phường V, TX. Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn, người làm chứng có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn T trình bày:***

- *Quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài và từ cuối năm 2016, chị T về phía chị *(Tổ dân phố B, phường V, TX. Đ, Quảng Ngãi)* sinh sống. Từ đó đến nay, hai bên tự bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai. Chị T nhận thấy tình cảm đã hết, xin được ly hôn anh H.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên D, sinh ngày 04/3/2015, hiện đang do chị T nuôi. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn H*** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn T xin vắng mặt. Bị đơn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 22/10/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị T khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Từ cuối năm 2016, chị T về phía chị tại phường B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống. Từ đó, không ai còn quan tâm đến ai. Chị T cung cấp bản "Xác nhận thông tin về cư trú"; theo đó, Công an phường V, thị xã Đ xác nhận chị T và cháu D hiện đang cư trú tại phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Người làm chứng khai vợ chồng chị T sinh sống có mâu thuẫn, hiện không còn sống chung là sự thật. Mặt khác, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T, anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung D, sinh ngày 04/3/2015, hiện đang do chị T nuôi, đã quen sống cùng chị T; cháu D có nguyện vọng được sống cùng chị T nên để tránh xáo trộn về chỗ ở, tạo điều kiện cho cháu D phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T làm thợ may, có thu nhập, đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung*:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị T được ly hôn anh H.

2. Về con chung: Giao con chung D, sinh ngày 04/3/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002222 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã H

(GĐKKH số 109, ngày 22/10/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Huệ